

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thông tin về Công ty

Các văn bản pháp lý liên quan đến thành lập Tổng Công ty	Quyết định số 250/TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	
	Quyết định số 216/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án chuyển Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ – công ty con	
	Quyết định số 217/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	
	Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty mẹ – Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0100104595	Ngày 15 tháng 10 năm 2015
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104595 ngày 15 tháng 10 năm 2015.	
Hội đồng Thành viên	Ông Lê Anh Sơn Ông Nguyễn Ngọc Huệ Ông Lê Anh Sơn Ông Đỗ Tiến Đức Ông Nguyễn Đình Chung Ông Lê Công Minh	Chủ tịch (từ ngày 1 tháng 10 năm 2015) Chủ tịch (đến ngày 30 tháng 9 năm 2015) Thành viên (đến ngày 30 tháng 9 năm 2015) Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 10 tháng 9 năm 2015)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh Ông Lê Anh Sơn Ông Lê Triều Thanh Ông Nguyễn Đình Thanh Ông Nguyễn Hữu Long Ông Bùi Việt Hoài Ông Nguyễn Văn Hạnh	Q. Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2015) Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 9 năm 2015) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 27 tháng 4 năm 2015) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai Quận Đống Đa, Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 9 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Nguyễn Cảnh Tĩnh
Q. Tổng Giám đốc

Hà Nội, **21 -06- 2016**



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600
Fax: +84 4 3946 1601
www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 21-06-2016, được trình bày từ trang 9 đến trang 61

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

(i) Hàng tồn kho

Chúng tôi được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho Tổng Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, do đó chúng tôi đã không tham dự hoạt động kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 207.744 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập bằng chứng về số lượng hàng tồn kho này. Do số dư đầu kỳ mang sang từ báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi đã được tham dự kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, đối với giá vốn hàng bán và lỗ thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ thuần từ các hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Chúng tôi được bổ nhiệm là đơn vị kiểm toán cho Tổng Công ty sau ngày 31 tháng 12 năm 2015, do đó chúng tôi đã không tham dự hoạt động kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 186.673 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập bằng chứng về số lượng hàng tồn kho này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi đã được tham dự kiểm kê hàng tồn kho - nguyên vật liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, đối với các khoản mục hàng tồn kho - nguyên vật liệu và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá vốn hàng bán và lỗ thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ thuần từ các hoạt động kinh doanh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày.

(ii) Thư xác nhận

Cho đến ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thể thu thập được xác nhận phục vụ mục đích kiểm toán từ các bên thứ ba cho một số khoản phải thu ngắn hạn khác, lãi vay phải trả, vay ngắn và dài hạn của Tổng Công ty có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tương ứng là 184.122 triệu VND, 362.527 triệu VND, 619.333 triệu VND và 2.034.963 triệu VND. Đối với các khoản vay ngắn và dài hạn với tổng trị giá là 2.654.296 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 này, chúng tôi đã thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để thu thập đầy đủ bằng chứng về tính hiện hữu và tính chính xác của tất cả các khoản vay này; tuy nhiên chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng về tính đầy đủ của các khoản vay này. Đối với các khoản mục còn lại, chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các khoản mục này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh đối với các khoản mục phải thu ngắn hạn khác, vay ngắn và dài hạn và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các khoản mục doanh thu, chi phí và lỗ thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, có thể là cần thiết trong trường hợp chúng tôi nhận được đầy đủ xác nhận cho các khoản mục nêu trên.

(iii) Khả năng thu hồi của các khoản phải thu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán dài hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu dài hạn khác có các khoản phải thu có giá trị ghi sổ lần lượt 19.643 triệu VND, 159.337 triệu VND, 611.362 triệu VND, 21.354 triệu VND và 835 triệu VND là các khoản phải thu thương mại đã quá hạn, các khoản phải thu từ các công ty đang làm thủ tục phá sản và một số cá nhân liên quan đến vụ án Ụ nổi 83M đã quá hạn từ lâu. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Tổng Công ty chưa tiến hành đánh giá khả năng thu hồi của những khoản phải thu này. Chúng tôi không thể thực hiện được những thủ tục kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của những khoản phải thu đó. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán dài hạn, phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu dài hạn khác và lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác và lợi nhuận thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc cùng ngày.

(iv) Xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản mục xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty có các dự án có giá trị ghi sổ tổng cộng là 393.866 triệu VND (1/1/2015: 394.179 triệu VND) mà việc thực hiện các dự án này đang bị chậm trễ đáng kể. Tại ngày phát hành báo cáo này, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các thông tin liên quan tới việc liệu các lợi ích kinh tế trong tương lai mà Tổng Công ty có thể thu được từ các dự án nói trên có thể bù đắp các chi phí đã phát sinh. Do không có đầy đủ thông tin, chúng tôi không thể xác định được giá trị có thể thu hồi của các dự án này và do đó không thể xác định được liệu các chi phí xây dựng cơ bản dở dang có đủ điều kiện ghi nhận là tài sản hay không cũng như ảnh hưởng tương ứng đối với lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các khoản mục chi phí khác và lỗ thuần trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng cho năm kết thúc cùng ngày.

(v) ***Các nghĩa vụ liên quan đến các công ty con sẽ thực hiện phá sản***

Vào các ngày 10 tháng 12 năm 2015, ngày 8 tháng 12 năm 2015 và ngày 25 tháng 12 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án Nhân dân Tỉnh Cà Mau đã lần lượt tiến hành mở thủ tục phá sản đối với Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Viễn Dương Vinashin (“Công ty Vinashinlines”), Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam (“Công ty Falcon”) và Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Cà Mau (“Công ty Cà Mau”), ba công ty con của Tổng Công ty, với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 100%, 51% và 100%. Liên quan tới Công ty Vinashinlines, vốn đã góp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 120,6 tỷ VND (1/1/2015: 120,6 tỷ VND), tuy nhiên vốn điều lệ đăng ký của Công ty Vinashinlines, theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101995707 ngày 28 tháng 6 năm 2010, là 1.500 tỷ VND. Do đó, Tổng Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty Vinashinlines tương ứng với mức vốn điều lệ đã đăng ký theo quy định trong Luật Doanh nghiệp Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 mặc dù Tổng Công ty chưa góp đủ số vốn điều lệ này.

Tổng Công ty cũng chưa ước tính những nghĩa vụ nào khác có thể phát sinh liên quan đến việc thực hiện thủ tục phá sản đối với Công ty Vinashinlines, Công ty Falcon và Công ty Cà Mau. Chúng tôi không thể tiến hành các thủ tục kiểm toán để xác định ảnh hưởng của việc Tổng Công ty chưa đóng góp đủ vốn vào Công ty Vinashinlines cũng như các nghĩa vụ khác của Tổng Công ty có thể phát sinh từ việc phá sản các công ty con trên đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho vấn đề này.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được trình bày trong phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như được trình bày tại Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 997 tỷ VND (1/1/2015: 1.399 tỷ VND). Trong số nợ ngắn hạn có các khoản vay và nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng có 2.409 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 1.543 tỷ VND) cần phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới, trong đó có các khoản vay và trái phiếu đã quá hạn nhưng Tổng Công ty chưa hoàn trả được là 1.091 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tính phù hợp của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Tổng Công ty thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính theo Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ là những sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai mà về bản chất là không chắc chắn. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 2(c), cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

- Như được trình bày tại Thuyết minh 4(c)(ii) trong báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 (“Thông tư 127”). Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định thông thường của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 4(c)(ii) trong báo cáo tài chính riêng.
- Như được trình bày tại Thuyết minh 4(m)(iii) trong báo cáo tài chính riêng, theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17 tháng 9 năm 2015, phần chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được hạch toán tăng giá trị phần vốn Nhà Nước tại Tổng Công ty. Hướng dẫn này có sự khác biệt với quy định thông thường của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ảnh hưởng của vấn đề này tới báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 4(m)(iii) trong báo cáo tài chính riêng.
- Như được trình bày tại Thuyết minh 37 trong báo cáo tài chính riêng, một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh lại.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh trên.

Vấn đề khác


Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 chưa được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập mà được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước, trong đó phạm vi kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước bị giới hạn đối với một số thủ tục kiểm toán nhất định mà Kiểm toán Nhà nước chưa thực hiện. Các số dư đầu kỳ và số liệu so sánh trình bày trên báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ các điều chỉnh được nêu ở Thuyết minh 37 trong báo cáo tài chính riêng, là số liệu theo biên bản kiểm toán của Kiểm toán Nhà Nước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-046




Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 21-06-2016

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Điều chỉnh lại/ phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.378.379.314.299	2.598.260.823.711
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.824.448.417.997	1.179.602.749.954
Tiền	111		147.148.417.997	535.162.749.954
Các khoản tương đương tiền	112		1.677.300.000.000	644.440.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	2.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.000.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.284.145.273.643	1.138.150.110.297
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	93.650.345.230	98.559.391.570
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		89.175.331.160	106.639.935.801
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	83.398.463.311	109.886.085.930
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	1.016.492.566.993	823.064.696.996
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.428.566.949	-
Hàng tồn kho	140	10	189.418.493.702	207.869.054.517
Tài sản ngắn hạn khác	150		79.367.128.957	70.138.908.943
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	5.598.615.938	6.783.531.902
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.386.087.868	54.595.824.072
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		13.382.425.151	8.759.552.969

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Điều chỉnh lại/ phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		13.795.367.746.564	17.060.632.771.329
Các khoản phải thu dài hạn	210		300.430.333.577	322.169.952.215
Trả trước cho người bán dài hạn	212		159.337.000.000	159.337.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	112.155.500.000	110.170.750.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	28.937.833.577	52.662.202.215
Tài sản cố định	220		3.568.045.410.088	4.170.391.916.382
Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.557.664.097.817	4.160.167.606.215
<i>Nguyên giá</i>	222		9.370.112.896.066	9.350.795.863.677
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.812.448.798.249)	(5.190.628.257.462)
Tài sản cố định vô hình	227	12	10.381.312.271	10.224.310.167
<i>Nguyên giá</i>	228		12.636.567.229	12.029.484.479
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.255.254.958)	(1.805.174.312)
Bất động sản đầu tư	230	13	384.377.859.422	370.808.019.239
<i>Nguyên giá</i>	231		474.647.664.777	444.413.662.336
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(90.269.805.355)	(73.605.643.097)
Tài sản dở dang dài hạn	240		629.704.873.798	665.478.952.822
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	629.704.873.798	665.478.952.822
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	8.757.814.794.399	11.386.649.484.818
Đầu tư vào công ty con	251		7.509.317.427.586	11.175.564.152.014
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		1.223.217.696.869	194.010.279.709
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.279.669.944	17.075.053.095
Tài sản dài hạn khác	260		154.994.475.280	145.134.445.853
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	154.994.475.280	145.134.445.853
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.173.747.060.863	19.658.893.595.040

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Điều chỉnh lại/ phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		7.410.069.533.219	11.007.468.402.747
Nợ ngắn hạn	310		4.375.386.282.235	3.997.593.800.720
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	203.385.746.985	303.723.338.437
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.172.311.017	30.094.404.894
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313		6.147.168.962	24.924.524.556
Phải trả người lao động	314		37.943.235.267	38.169.919.113
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	825.700.086.204	1.215.942.191.246
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.882.127.617	1.356.259.019
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	799.166.754.905	225.983.336.288
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	19(a)	2.409.229.973.621	2.113.048.173.550
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.758.877.657	44.351.653.617
Nợ dài hạn	330		3.034.683.250.984	7.009.874.602.027
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	11.701.396.275	11.526.678.827
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	19(b)	3.022.981.854.709	6.998.347.923.200
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.763.677.527.644	8.651.425.192.293
Vốn chủ sở hữu	410	20	9.763.677.527.644	8.651.425.192.293
Vốn góp	411		5.492.855.894.051	5.479.417.788.907
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	21	3.396.857.586.351	3.488.475.211.568
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	141.210.865	141.210.865
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.236.854.587.135	398.659.221.675
Lỗi lũy kế	421		(363.031.750.758)	(715.268.240.722)
- Lỗi lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(692.194.814.877)	-
- LNST chưa phân phối/(lỗi) kỳ này	421b		329.163.064.119	(715.268.240.722)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.173.747.060.863	19.658.893.595.040

Người lập: **21 -06- 2016**



Phạm Thị Bình
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Cảnh Tình
 Q. Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Điều chỉnh lại/ phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.702.130.202.472	1.977.397.020.741
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	3.893.680
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	1.702.130.202.472	1.977.393.127.061
Giá vốn hàng bán	11	25	2.037.695.810.445	2.246.040.652.454
Lỗ gộp (20 = 10 - 11)	20		(335.565.607.973)	(268.647.525.393)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.217.371.539.722	238.749.027.218
Chi phí tài chính	22	27	340.615.564.517	514.276.317.644
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		57.255.833.845	378.097.468.287
Chi phí bán hàng	25	28	37.148.541.036	36.429.489.725
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	201.236.862.725	167.298.694.216
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		302.804.963.471	(747.902.999.760)
Thu nhập khác	31	30	34.067.114.840	48.930.945.963
Chi phí khác	32	31	7.709.014.192	13.473.865.094
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		26.358.100.648	35.457.080.869
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		329.163.064.119	(712.445.918.891)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		329.163.064.119	(712.445.918.891)

Người lập: **21-06-2016**



Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Cảnh Tĩnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
Thuế	10				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.414.159.057	51.510.039.790	(52.313.595.877)	610.602.970
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	246.274.013	(246.274.013)	-
Thuế xuất, nhập khẩu		-	143.689.628	(143.689.628)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	(7.968.883.564)	-	-	(7.968.883.564)
Thuế nhà đất	17	3.477.707.818	17.358.615.819	(19.486.341.400)	1.349.982.237
Các loại thuế khác	19				
<i>Thuế môn bài</i>		<i>(1.000.000)</i>	<i>10.000.000</i>	<i>(9.000.000)</i>	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		<i>904.953.306</i>	<i>2.596.382.746</i>	<i>(4.764.194.431)</i>	<i>(1.262.858.379)</i>
<i>Các loại thuế khác</i>		<i>12.227.170</i>	<i>111.395.555</i>	<i>(110.012.470)</i>	<i>13.610.255</i>
Các khoản phải nộp khác	30				
Các khoản phí, lệ phí	32	-	1.000.000	(1.000.000)	-
Các khoản khác	33	18.325.807.800	2.287.656.047	(20.591.173.555)	22.290.292
	40	16.164.971.587	74.265.053.598	(97.665.281.374)	(7.235.256.189)
Trong đó					
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		(8.759.552.969)			(13.382.425.151)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước		24.924.524.556			6.147.168.962

Người lập: **21-06-2016**

Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toánNguyễn Cảnh Tình
Q. Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		329.163.064.119	(712.445.918.891)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		639.020.753.242	629.191.460.600
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		172.273.777.634	40.435.212.117
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.156.175.300.669)	(199.499.047.165)
Chi phí lãi vay	06		57.255.833.845	378.097.468.287
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.538.128.171	135.779.174.948
Biến động các khoản phải thu	09		(162.335.726.777)	(82.149.894.385)
Biến động hàng tồn kho	10		18.450.560.815	(24.451.786.483)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(131.277.166.714)	(453.095.890.431)
Biến động chi phí trả trước	12		(8.675.113.463)	11.790.084.178
			(242.299.317.968)	(412.128.312.173)
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.086.178.005)	(98.278.502.923)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.592.775.960)	(5.245.229.940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(264.978.271.933)	(515.652.045.036)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(31.745.091.136)	(26.718.510.923)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		1.293.305.438	27.136.363.636
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		11.046.622.619	91.582.777.464
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(104.502.500.000)	(11.735.130.776)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.590.227.924.191	440.433.945.513
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		168.148.392.279	232.153.695.112
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.634.468.653.391	752.853.140.026

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		24.993.891.747	90.561.096.859
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.697.868.953.929)	(876.223.377.435)
Tiền thu từ cổ phần hóa			947.438.953.290	253.876.116.707
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(725.436.108.892)	(531.786.163.869)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		644.054.272.566	(294.585.068.879)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.179.602.749.954	1.473.336.176.287
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		791.395.477	851.642.546
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	1.824.448.417.997	1.179.602.749.954

Người lập: **21-06-2016**



Phạm Thị Bình
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
 Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Cảnh Tinh
 Q. Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà Nước làm chủ sở hữu được thành lập tại Việt Nam.

Tổng Công ty đang trong giai đoạn chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy, đường bộ, đa phương thức;
- Khai thác cảng biển, cảng sông;
- Kinh doanh kho, bãi, dịch vụ logistics; đại lý môi giới cung ứng dịch vụ hàng hải, cung ứng tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển, tàu sông, đưa đón thuyền viên và các hoạt động hỗ trợ hoạt động đường thủy;
- Sửa chữa phương tiện vận tải biển; sản xuất, mua bán, cho thuê phương tiện và thiết bị vận tải, bốc xếp chuyên ngành;
- Xuất khẩu lao động và cung ứng lao động hàng hải cho các tổ chức trong và ngoài nước; và
- Xuất khẩu phương tiện, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu chuyên ngành hàng hải; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 6 đơn vị trực thuộc (1/1/2015: 8 đơn vị trực thuộc) như sau:

- a. Văn phòng Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

b. Các đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Vận tải biển Vinalines
- Công ty Vận tải biển Container Vinalines
- Công ty Hàng hải Vinalines Cần Thơ (*)
- Công ty Thương mại Xăng dầu đường biển (*)
- Công ty Xuất khẩu lao động Hàng hải Vinalines
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Vinalines Hải Phòng

(*) Đơn vị trực thuộc này đã được giải thể trong năm 2015.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 26 công ty con, 10 công ty liên kết và 5 công ty liên doanh (1/1/2015: 38 công ty con, 10 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh) được liệt kê trong Thuyết minh 6(b). Báo cáo tài chính riêng phản ánh các giao dịch của Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc nhưng không bao gồm các giao dịch và số dư của các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 1.468 nhân viên (1/1/2015: 1.501 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà Nước.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 997 tỷ VND (1/1/2015: 1.399 tỷ VND). Hơn nữa, như đã trình bày ở Thuyết minh 19 trong báo cáo tài chính riêng, trong số nợ ngắn hạn là khoản vay và nợ ngắn hạn các tổ chức tín dụng có 2.106 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 1.543 tỷ VND) cần phải hoàn trả trong vòng 12 tháng tới, trong đó có các khoản vay và trái phiếu đã quá hạn nhưng Tổng Công ty chưa hoàn trả được là 1.091 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Tổng Công ty thực hiện thành công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc tái cơ cấu toàn diện các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đến hạn trả và Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thanh toán các khoản nợ đến hạn. Trong năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính theo Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc đạt được thỏa thuận với bên cho vay về việc tái cơ cấu các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đã đến hạn trả và khả năng Tổng Công ty tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về mặt tài chính của Chính phủ là những sự kiện dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai mà về bản chất là không chắc chắn. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng công việc tái cơ cấu toàn diện, bao gồm việc tái cơ cấu toàn diện các khoản vay đã quá hạn và các khoản vay đến hạn trả, sẽ được thực hiện và có kết quả như kế hoạch đã đề ra.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký là ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 200 (Thuyết minh 37).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này cho giai đoạn chuyển đổi từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá trị được định giá khi Tổng Công ty thực hiện định giá giá trị để tiến hành cổ phần hóa và đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định số 5038/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Quyết định 5038”).

Ngoài ra, cho giai đoạn chuyển đổi từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính trong giai đoạn chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 (“Thông tư 127”). Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Hướng dẫn này của Thông tư 127 có sự khác biệt với quy định của Chế độ Kế toán Việt Nam, theo đó, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Nếu Tổng Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính bị giảm giá theo đúng quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và lỗ lũy kế sẽ tăng 1.749.035 triệu VND (1/1/2015: 1.660.119 triệu VND), đồng thời chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng và giảm lần lượt 1.749.035 triệu VND (2014: 1.660.119 triệu VND).

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này cho giai đoạn chuyển đổi từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá trị được định giá khi Tổng Công ty thực hiện định giá giá trị để tiến hành cổ phần hóa và đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định 5038. Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn về xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư 127. Theo đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	20 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ đồ đạc và thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 25 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh theo định kỳ trong suốt thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(iii) Giá trị thương hiệu của Tổng Công ty

Giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được ghi nhận dựa trên báo cáo định giá doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định 5038. Tổng Công ty không phân bổ giá trị thương hiệu của Tổng Công ty theo quy định trong giai đoạn chuyển đổi từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn góp

(i) *Vốn góp từ Chính phủ Việt Nam vào các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty*

Góp vốn từ Chính phủ Việt Nam vào các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty được ghi nhận vào tài khoản vốn kinh doanh của Tổng Công ty dựa trên các quyết định của Chính phủ cho phép Tổng Công ty có quyền trực tiếp đại diện quyền sở hữu của Nhà Nước trong các công ty con trong các trường hợp cụ thể.

(ii) *Thay đổi vốn góp khi thực hiện cổ phần hóa các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty*

Khi các công ty con là các công ty TNHH Một thành viên của Tổng Công ty thực hiện việc cổ phần hóa và ghi nhận tăng hay giảm vốn theo giá trị doanh nghiệp được định giá lại khi cổ phần hóa theo các quyết định phê duyệt của cấp cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty cũng ghi nhận thay đổi tương ứng trong vốn góp của Tổng Công ty.

(iii) *Chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng*

Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 751/BTC-TCDN ngày 17 tháng 9 năm 2015 (“Công văn 751”), phần chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được hạch toán tăng giá trị phần vốn Nhà Nước tại Tổng Công ty. Hướng dẫn này của Bộ Tài chính có sự khác biệt với quy định của Chế độ Kế toán Việt Nam, theo đó, phần chênh lệch này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo quy định của Chế độ Kế toán Việt Nam, tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn góp và lỗ lũy kế sẽ giảm và tăng lần lượt 1.228 tỷ VND (1/1/2015 – điều chỉnh lại: 230 tỷ VND), thu nhập khác và lợi nhuận sau thuế sẽ cùng tăng 998 tỷ VND (2014 – điều chỉnh lại: 230 tỷ).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ khai thác cảng biển, dịch vụ hàng hải và phụ trợ hàng hải

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê tàu

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu chuyên được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên tỷ lệ phần trăm (%) giữa số ngày đã phát sinh của hành trình so với tổng số ngày ước tính của cả hành trình. Tổng số ngày ước tính của cả hành trình là tổng số thời gian cần thiết để tàu bắt đầu di chuyển từ vị trí hiện tại để tới điểm nhận hàng, và sau đó đến cảng dỡ hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu định hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu không được ghi nhận trong thời gian đình thuê được quy định trong hợp đồng thuê tàu định hạn.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá, Tổng Công ty đã đánh giá tăng các khoản đầu tư vào đơn vị khác tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con, công ty liên doanh, liên kết, và ghi tăng vốn Nhà nước theo quy định của pháp luật. Khi nhận được phần cổ tức, lợi nhuận đã dùng để đánh giá tăng vốn Nhà nước, Tổng Công ty ghi giảm giá trị các khoản đầu tư này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	5.778.981.984	6.150.648.467
Tiền gửi ngân hàng	141.369.436.013	529.012.101.487
Các khoản tương đương tiền	1.677.300.000.000	644.440.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.824.448.417.997	1.179.602.749.954
	<hr/>	<hr/>

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm 35.329 triệu VND (1/1/2015: 34.379 triệu VND) không sẵn sàng để sử dụng do bị phong tỏa.

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2015 – Đã phân loại lại		Giá gốc VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn vào công ty con									
• Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Hải Phòng, Việt Nam TP. Hồ Chí Minh,	302.641.377	92,56%	92,56%	3.026.413.770.000	309.581.400	94,68%	94,68%	3.154.572.174.491
• Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (i)	Việt Nam	141.564.906	65,45%	65,45%	1.415.649.060.000		100,00%	100,00%	2.162.949.618.556
• Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	49.500.000	75,00%	75,00%	495.000.000.000	62.722.400	95,03%	95,03%	630.430.886.552
• Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh (ii)	Quảng Ninh, Việt Nam	-	-	-	-	49.060.387	98,02%	98,02%	491.767.710.800
• Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (ii)	Bình Định, Việt Nam	-	-	-	-	30.312.262	75,01%	75,01%	305.070.147.106
• Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh (i)	Nghệ An, Việt Nam	10.973.772	51,00%	51,00%	109.737.720.000		100,00%	100,00%	215.172.591.316
• Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang	Khánh Hòa, Việt Nam	15.070.809	61,42%	61,42%	150.708.090.000	23.570.809	96,05%	96,05%	247.915.763.208
• Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (i)	Cam Ranh, Việt Nam	19.823.015	80,90%	80,90%	198.230.150.000		100,00%	100,00%	200.573.157.323
• Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương (iii)	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	2.153.305	53,08%	53,08%	21.533.050.000
• Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn (iii)	Năm Căn, Việt Nam	-	-	-	-		100,00%	100,00%	5.872.916.817
• Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Hà Nội, Việt Nam		100,00%	100,00%	1.000.000.000		100,00%	100,00%	1.000.000.000
• Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	Hà Nội, Việt Nam		100,00%	100,00%	293.687.579.380		100,00%	100,00%	293.687.579.380
• Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Khánh Hòa, Việt Nam	939.558	91,79%	100,00%	9.395.577.676	1.023.558	100,00%	100,00%	31.047.823.974
• Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (i)	Cần Thơ, Việt Nam	28.208.500	99,05%	99,05%	282.085.000.000		100,00%	100,00%	284.813.128.155
• Công ty Liên doanh Vận tải biển Việt Pháp (ii)	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		-	-	-		100,00%	100,00%	49.386.412.196
• Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		60,00%	60,00%	33.561.286.849		60,00%	60,00%	33.561.286.849
• Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Hà Nội, Việt Nam		56,00%	56,00%	37.211.214.338		56,00%	56,00%	37.211.214.338

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2015 – Đã phân loại lại		Giá gốc VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết	
• Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines (iv)	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam		100,00%	100,00%	262.514.122.666		100,00%	100,00%	588.934.143.703
• Công ty TNHH MTV CNTT Cà Mau	Cà Mau, Việt Nam		100,00%	100,00%	7.844.789.444		100,00%	100,00%	7.631.789.444
• Công ty TNHH MTV DVHH Hậu Giang	Hậu Giang, Việt Nam		100,00%	100,00%	107.684.116.486		100,00%	100,00%	107.684.116.486
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Hải Phòng, Việt Nam	71.400.000	51,00%	51,00%	321.300.000.000	84.000.000	60,00%	60,00%	378.000.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	35.400.000	60,00%	60,00%	109.740.000.000	35.400.000	60,00%	60,00%	109.740.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Bắc (iii)	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	10.228.560	51,00%	51,00%	110.021.280.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển và hợp tác lao động quốc tế	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	4.488.000	51,00%	51,00%	44.880.000.000	4.488.000	51,00%	51,00%	44.880.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (iii)	Hải Phòng, Việt Nam	-	-	-	-	4.016.250	51,00%	51,00%	181.936.125.000
• Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô (vii)	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	6.854.573	55,98%	55,98%	72.658.472.000
• Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải	Hải Phòng, Việt Nam	4.590.000	51,00%	51,00%	65.376.076.320	4.590.000	51,00%	51,00%	65.376.076.320
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000	51,00%	51,00%	32.640.000.000	10.200.000	51,00%	51,00%	32.640.000.000
• Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	5.947.800	51,05%	51,05%	111.148.691.579	5.947.800	51,05%	51,05%	111.148.691.579
• Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	Quảng Ninh, Việt Nam	20.655.000	56,58%	56,58%	206.550.000.000	20.655.000	56,58%	56,58%	206.550.000.000
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	Hà Nội, Việt Nam	8.061.620	56,72%	56,72%	84.960.182.848	8.061.620	56,72%	56,72%	84.960.182.848
• Công ty Cổ phần Vinalines Cảng Đình Vũ	Hải Phòng, Việt Nam	10.200.000	51,00%	51,00%	102.000.000.000	591.050	51,00%	51,00%	5.910.500.000
• Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (v)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam		-	-	-		36,19%	51,00%	401.864.604.000
• Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (vii)	Hải Phòng, Việt Nam		-	-	-		45,56%	100,00%	41.000.000.000
• Công ty LD DV Container Quốc tế Cảng Sài Gòn – SSA (SSIT) (vi)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam		-	-	-		51,00%	51,00%	287.066.324.573

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2015 – Đã phân loại lại		Giá gốc VND	
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết		
• Công ty TNHH Cảng quốc tế SP – PSA (v)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	-	-	-	-	-	14,98%	50,92%	170.996.385.000	
• Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư đường biển	Hà Nội, Việt Nam	100,00%	100,00%	-	-	100,00%	100,00%	-		
• Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	51,00%	51,00%	-	-	51,00%	51,00%	-	
					7.509.317.427.586					11.175.564.152.014

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết

• Công ty Cổ phần Hợp tác lao động với nước ngoài	Hải Phòng, Việt Nam	1.012.500	24,85%	24,85%	7.897.500.000	1.012.500	24,85%	24,85%	7.897.500.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Hàng hải Hải Phòng (iii)	Hải Phòng, Việt Nam TP. Hồ Chí Minh,	-	-	-	-	2.000.000	16,67%	38,75%	21.523.913.655
• Công ty Cổ phần Container Phía Nam (ii)	Việt Nam	-	-	-	-	3.314.000	30,01%	30,01%	47.380.000.000
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải & Thương mại (Transco)	Hải Phòng, Việt Nam	2.880.000	33,49%	33,49%	14.760.000.000	1.800.000	30,00%	30,00%	7.560.000.000
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu (Sesco)	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.323.000	26,46%	26,46%	3.969.000.000	1.323.000	26,46%	26,46%	3.969.000.000
• Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu cung ứng vật tư Hàng hải (ii)	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	-	-	75.000	30,00%	30,00%	921.998.841
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Cảng Hải Phòng (ii)	Hải Phòng, Việt Nam	-	-	-	-	283.650	30,50%	30,50%	5.475.939.261
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (ii)	Hà Nội, Việt Nam	-	-	-	-	1.680.000	22,18%	22,18%	16.800.000.000

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2015 – Đã phân loại lại		Giá gốc VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết	
• Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình Hàng hải	Hà Nội, Việt Nam	377.300	49,00%	49,00%	17.812.720.212	377.300	49,00%	49,00%	17.812.720.212
• Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại dịch vụ tổng hợp cảng Sài Gòn (ii)	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	-	-	-	246.000	20,00%	20,00%	2.931.419.977
• Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Vinalines	Nghệ An, Việt Nam		40,00%	40,00%	19.061.732.985		40,00%	40,00%	13.812.075.995
• Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (vii)	Hải Phòng, Việt Nam		45,56%	45,56%	41.000.000.000		-	-	-
• Công ty Cổ phần Cảng Khuyến Lương (iii)	Hà Nội, Việt Nam	1.987.734	49,00%	49,00%	19.877.340.000	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô (vii)	Hà Nội, Việt Nam	5.996.573	49,14%	49,14%	63.563.757.800	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Vận tải biển Bắc (iii)	Hà Nội, Việt Nam	9.827.440	49,00%	49,00%	105.706.720.000	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn (iii)	Năm Căn, Việt Nam	81.649	16,77%	49,35%	816.486.180	-	-	-	-
• Công ty Liên doanh Vận tải quốc tế Nhật – Việt	Hải Phòng, Việt Nam		50,00%	50,00%	44.534.641.497		50,00%	50,00%	44.534.641.497
• Trung tâm phát triển Nhân lực Đông Nam Á	Hải Phòng, Việt Nam		50,00%	50,00%	3.391.070.271		50,00%	50,00%	3.391.070.271
• Công ty Liên doanh DV Container Quốc tế Cảng Sài Gòn – SSA (SSIT) (vi)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam		50,00%	50,00%	307.965.738.924		-	-	-
• Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép (v)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam		36,19%	50,00%	401.864.604.000		-	-	-
• Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA (v)	Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam		14,98%	50,00%	170.996.385.000		-	-	-
					1.223.217.696.869				194.010.279.709

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Địa chỉ	Số lượng	31/12/2015		Giá gốc VND	Số lượng	1/1/2015 – Đã phân loại lại		Giá gốc VND
			% sở hữu	% quyền biểu quyết			% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác									
• Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa	Đồng Nai, Việt Nam	200.000	1,15%	1,15%	4.899.000.000	200.000	1,15%	1,15%	4.899.000.000
• Công ty Cổ phần Đại lý liên hiệp vận chuyển	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	1	0,00%	0,00%	33.600	1	0,00%	0,00%	33.600
• Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội (MHC)	Hải Phòng, Việt Nam	5	0,00%	0,00%	64.999	5	0,00%	0,00%	64.999
	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam								
• Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	Việt Nam	437.400	11,79%	11,79%	7.434.000.000	437.400	11,79%	11,79%	7.434.000.000
	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam								
• Công ty Cổ phần Đại lý vận tải Safi (SFI)	Việt Nam	14	0,00%	0,00%	186.666	14	0,00%	0,00%	186.666
• Công ty Cổ phần Cung ứng dịch vụ kỹ thuật Hàng hải (MAC)	Hải Phòng, Việt Nam	8	0,00%	0,00%	1.076.424	8	0,00%	0,00%	1.076.424
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong (ii)	Khánh Hòa, Việt Nam	-	-	-	-	140.000	1,40%	1,40%	1.400.000.000
• Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá (iii)	Hải Phòng, Việt Nam	50	0,00%	0,00%	3.397.500	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại Hàng hải Hải Phòng (iii)	Hải Phòng, Việt Nam	1.099.900	9,17%	9,17%	11.837.127.465	-	-	-	-
• Công ty Cổ phần Vận tải & Cung ứng xăng dầu (ii)	Hải Phòng, Việt Nam	-	-	-	-	211.200	17,60%	17,60%	2.235.908.116
• Công ty Liên doanh Gemasa Corporation	Vizcaya, Tây Ban Nha		0,00%	0,00%	1.104.783.290		0,00%	0,00%	1.104.783.290
					25.279.669.944				17.075.053.095
					8.757.814.794.399				11.386.649.484.818

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong năm 2015, các công ty này đã thực hiện cổ phần hóa và ghi nhận tăng hay giảm vốn điều lệ theo giá trị doanh nghiệp được định giá lại khi cổ phần hóa đã được phê duyệt của cấp cơ quan có thẩm quyền. Tổng Công ty đã điều chỉnh tương ứng vốn đầu tư vào các công ty con này (Thuyết minh 4(m)(ii)).
- (ii) Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư tại một số công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác.
- (iii) Trong năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng một phần số cổ phiếu nắm giữ tại một số công ty con và công ty liên kết. Theo đó, khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại lại sang đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác theo tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết còn lại tương ứng.
- (iv) Giá trị đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines là giá trị của Ụ nổi 83M, tài sản Tổng Công ty đã góp vào công ty con. Trong năm, Tổng Công ty đã điều chỉnh giá trị đầu tư vào công ty này tương ứng với giá trị được phê duyệt của Ụ nổi 83M theo Quyết định số 98/QĐ-HHVN ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Tổng Công ty.
- (v) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép, Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA là 51%, nhưng trên thực tế, Tổng Công ty không có quyền kiểm soát thông qua việc chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này. Dựa trên Công văn trả lời số 12884/BTC-CĐKT ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty đã phân loại lại các khoản đầu tư này sang khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- (vi) Trong năm 2015, cơ cấu vốn góp giữa các nhà đầu tư tại Công ty Liên doanh Dịch vụ Container Quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA (“SSIT”) thay đổi. Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại SSIT giảm xuống còn 50%.
- (vii) Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng một phần cổ phần đầu tư tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô, công ty con này chuyển thành công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết gián tiếp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô thông qua công ty này giảm xuống tương ứng. Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô được chuyển từ đầu tư vào công ty con sang đầu tư vào công ty liên kết.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Denmar Chartering & Trading GMBH	15.792.529.336	15.327.915.864
CTP Shipping Pte. Ltd.	5.331.290.894	699.624.194
Công ty TNHH Frieslandcampina Việt Nam	3.449.240.755	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VITRANIMEX	2.328.000.000	3.025.400.000
Các khách hàng khác	66.749.284.245	79.506.451.512
	<hr/>	<hr/>
	93.650.345.230	98.559.391.570
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	3.173.033.713	1.388.964.640
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	219.388.665	131.674.609
Công ty TNHH Khai thác Container Việt Nam	159.124.856	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế	140.791.196	547.811
Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)	20.148.884	580.827.341
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam	1.093.191	1.168.101
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công trình hàng hải (CMB)	139.158.483	139.158.483
Công ty Liên Doanh Vận tải quốc tế Nhật – Việt	105.792.630	1.909.265
	<hr/>	<hr/>
	3.958.531.618	2.244.250.250
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	8.504.191.840	13.504.191.840
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	72.594.271.471	74.535.271.471
Công ty Cổ phần Cảng Năm Căn	2.300.000.000	2.300.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam	-	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	2.546.622.619
	<hr/>	
	83.398.463.311	109.886.085.930
	<hr/>	

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo, với lãi suất từ 6% - 11,4%/năm.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA (*)	108.355.500.000	104.370.750.000
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Bắc	3.800.000.000	5.800.000.000
	<hr/>	
	112.155.500.000	110.170.750.000
	<hr/>	

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo, với lãi suất từ 6% - 8%/năm và đáo hạn vào năm 2017.

(*) Khoản cho vay trị giá 4.950.000 USD tương ứng với tỷ lệ vốn góp 15% của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA, một công ty liên doanh của Tổng Công ty, trong khoản vay 33.000.000 USD với các cổ đông của công ty liên doanh này theo hợp đồng vay cổ đông ngày 26 tháng 8 năm 2008. Theo đó, các cổ đông góp vốn vào PSA đồng ý cho công ty này vay một số tiền tương ứng theo tỷ lệ vốn góp hiện có. Khoản cho vay này hưởng lãi suất LIBOR + (0,8% đến 1,6%)/năm, được hoàn trả khi có yêu cầu hoàn trả của bên cho vay (Thuyết minh 19(b)(i)).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu khác****(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Phải thu về cổ phần hóa (i)	36.224.424.418	171.169.271.814
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	267.312.879.369	99.105.271.339
Phải thu từ lãi cho vay	119.116.659.054	118.051.699.967
Phải thu từ lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.986.649.570	3.421.038.163
Phải thu bên liên quan về bàn giao dự án cảng Ba Ngòi (ii)	24.048.300.696	116.165.833.408
Phải thu bên liên quan về bàn giao dự án cảng Cái Cui (iii)	3.531.368.489	84.375.517.495
Trả hộ cho đơn vị thành viên tiền mua tàu (iv)	107.310.300.181	103.098.898.316
Phải thu các cá nhân liên quan vụ án Ụ nổi 83M (v)	306.683.816.495	-
Phải thu bảo hiểm tàu (vi)	44.566.742.394	61.853.469.097
Phải thu nhận nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	56.150.602.160	21.769.742.347
Phải thu về ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.618.762.877	16.225.514.395
Phải thu khác	35.942.061.290	27.828.440.655
	1.016.492.566.993	823.064.696.996

- (i) Khoản này phản ánh phải thu từ việc cổ phần hóa các công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc Tế, Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam, Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, Công ty Cổ phần xây dựng thương mại dịch vụ cảng Sài Gòn (SPTS), Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh, Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang.
- (ii) Khoản này phản ánh phải thu từ Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (“Cảng Cam Ranh”) về chênh lệch giữa giá trị của dự án và dư nợ gốc và dư nợ lãi phát sinh từ các khoản vay được sử dụng để tài trợ cho dự án Cảng Ba Ngòi. Dự án này đã được quyết định chuyển giao từ Tổng Công ty sang Cảng Cam Ranh vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- (iii) Khoản này phản ánh phải thu từ Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (“Cảng Cần Thơ”) về chênh lệch giữa giá trị của dự án và dư nợ gốc và dư nợ lãi phát sinh để tài trợ dự án Cảng Cái Cui. Dự án này đã được quyết định chuyển giao từ Tổng Công ty sang Cảng Cần Thơ vào ngày 26 tháng 9 năm 2014.
- (iv) Khoản này phản ánh nguồn vốn tài trợ của Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang, một công ty con của Tổng Công ty, cho mục đích mua sắm tàu chở hàng.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (v) Khoản này phản ánh phải thu đối với các cá nhân liên quan đến dự án mua ụ nổi 83M do hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng cho Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam. Căn cứ theo Quyết định thi hành án dân sự số 65/QĐ.CTHA ngày 24 tháng 10 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Tổng Công ty số tiền theo phán quyết của tòa án, đồng thời còn phải chịu lãi suất trên số tiền phải bồi thường chưa thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định.
- (vi) Khoản này phản ánh phải thu tiền bảo hiểm của các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty đối với các Công ty Bảo hiểm Dầu khí khu vực Duyên Hải, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành và Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Kiên Giang.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phải thu nhận nợ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	25.470.184.934	45.883.668.222
Ký quỹ dài hạn	1.961.785.943	6.377.993.293
Phải thu dài hạn khác	1.505.862.700	400.540.700
	<hr/> 28.937.833.577	<hr/> 52.662.202.215 <hr/>

10. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.465.228.594	-
Nguyên vật liệu	186.673.135.968	207.743.833.317
Công cụ và dụng cụ	265.861.416	114.399.163
Hàng hóa	14.267.724	10.822.037
	<hr/> 189.418.493.702	<hr/> 207.869.054.517 <hr/>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Đồ đạc và thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	138.992.782.157	6.778.716.628	9.018.482.042.811	186.302.267.081	240.055.000	9.350.795.863.677
Tăng trong năm	11.268.826.204	107.872.305	10.684.211.909	654.284.940	-	22.715.195.358
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.474.459.557	152.452.451	3.108.062.293	100.865.171	-	26.835.839.472
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(30.234.002.441)	-	-	-	-	(30.234.002.441)
Phân loại lại	-	180.383.700.000	(180.383.700.000)	-	-	-
Số dư cuối năm	143.502.065.477	187.422.741.384	8.851.890.617.013	187.057.417.192	240.055.000	9.370.112.896.066
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	44.473.903.722	2.058.307.494	5.020.551.826.364	123.537.256.702	6.963.180	5.190.628.257.462
Khấu hao trong năm	8.873.313.249	5.453.807.442	616.077.255.420	612.580.982	30.006.876	631.046.963.969
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(9.226.423.182)	-	-	-	-	(9.226.423.182)
Phân loại lại	-	119.695.148.932	(119.695.148.932)	-	-	-
Số dư cuối năm	44.120.793.789	127.207.263.868	5.516.933.932.852	124.149.837.684	36.970.056	5.812.448.798.249
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	94.518.878.435	4.720.409.134	3.997.930.216.447	62.765.010.379	233.091.820	4.160.167.606.215
Số dư cuối năm	99.381.271.688	60.215.477.516	3.334.956.684.161	62.907.579.508	203.084.944	3.557.664.097.817

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.712 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 22.205 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.340.257 triệu VND (1/1/2015: 3.942.700 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.785.920.000	3.243.564.479	12.029.484.479
Tăng trong năm	-	702.082.750	702.082.750
Xóa sổ	-	(95.000.000)	(95.000.000)
Số dư cuối năm	8.785.920.000	3.850.647.229	12.636.567.229
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	1.805.174.312	1.805.174.312
Khấu hao trong năm	-	536.050.197	536.050.197
Xóa sổ	-	(85.969.551)	(85.969.551)
Số dư cuối năm	-	2.255.254.958	2.255.254.958
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8.785.920.000	1.438.390.167	10.224.310.167
Số dư cuối năm	8.785.920.000	1.595.392.271	10.381.312.271

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 254 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 254 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 8.786 triệu VND (1/1/2015: 8.786 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	444.413.662.336
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	30.234.002.441
	<hr/>
Số dư cuối năm	474.647.664.777
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	73.605.643.097
Khấu hao trong năm	7.437.739.076
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	9.226.423.182
	<hr/>
Số dư cuối năm	90.269.805.355
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	370.808.019.239
Số dư cuối năm	384.377.859.422
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty phản ánh giá trị của Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội (Ocean Park) có địa chỉ tại số 1 Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và giá trị của tòa nhà Vimadeco Building có địa chỉ tại số 163 Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng cho mục đích cho thuê. Giá trị của tòa nhà Ocean Park đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho hợp đồng vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 19).

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo kết quả định giá giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Tổng Công ty, được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định 5038.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2015 VND	2014 VND Chưa kiểm toán
Số dư đầu năm	665.478.952.822	777.937.759.087
Tăng trong năm	8.327.813.028	26.758.783.202
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(26.835.839.472)	(2.920.173.517)
Chuyển giao dự án cho các công ty liên quan	(12.016.395.590)	(125.663.453.103)
Góp vốn đầu tư vào công ty con bằng tài sản	(5.249.656.990)	(10.633.962.847)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	629.704.873.798	665.478.952.822

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Công trình Cảng Vân Phong - Khánh Hòa	147.083.296.561	138.039.861.346
Công trình kho bãi Container tại Hải Phòng	-	8.178.958.884
Bắc thăm cảng Hải Phòng	32.192.458.777	27.838.639.936
Đóng tàu 1800 TEU 1 (HV-02) V22	24.209.851.681	23.726.680.717
Dự án Cảng Lạch Huyện	19.100.071.159	31.116.466.749
Đóng tàu 1800 TEU 2 (HV-03) V21 (*)	119.537.287.729	119.537.287.729
Đóng tàu 47500 DWT 1 (*)	109.649.463.511	109.447.258.511
Đóng tàu 47500 DWT 2 (*)	106.799.348.494	106.597.143.494
Đóng tàu 22,500 DWT BV-10VNL Liberty (*)	27.378.527.819	27.426.527.101
Đóng tàu 22,500 DWT BV-10VNL Victory (*)	19.033.792.581	19.012.788.592
Đóng tàu 22,500 DWT BV-12VNL Mercy (*)	1.435.132.820	1.435.132.820
Dự án khu đất Nhật Tân	6.242.420.796	6.242.420.796
Dự án tại huyện Yên Hưng, Quảng Ninh (*)	2.828.179.200	2.828.179.200
Dự án Trung tâm hàng hải miền Trung tại Nghệ An (*)	2.312.991.186	2.404.219.706
Các dự án khác đã dừng hoạt động (*)	5.204.559.285	5.204.559.285
Các dự án khác	6.697.492.199	36.442.827.956
	<hr/>	<hr/>
	629.704.873.798	665.478.952.822

Trong năm, không có chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (2014: 5.428 triệu VND).

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã quyết định dừng mọi hoạt động của những dự án này nhưng chưa có kế hoạch xử lý cụ thể với những chi phí xây dựng cơ bản đã phát sinh.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Phí bảo hiểm	2.541.028.749	2.311.455.852
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.057.587.189	4.472.076.050
	<hr/> 5.598.615.938	<hr/> 6.783.531.902

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Giá trị thương hiệu Tổng Công ty VND	Công cụ dụng cụ VND	Sửa chữa tàu biển VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – Đã phân loại lại	4.829.820.688	1.602.872.583	136.062.273.734	2.639.478.848	145.134.445.853
Tăng trong năm	-	516.757.549	123.978.182.977	1.577.453.059	126.072.393.585
Phân bổ trong năm	-	(730.726.689)	(115.481.637.469)	-	(116.212.364.158)
Số dư cuối năm	<hr/> 4.829.820.688	<hr/> 1.388.903.443	<hr/> 144.558.819.242	<hr/> 4.216.931.907	<hr/> 154.994.475.280

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Các khoản phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	66.824.057.693	(*)	117.398.822.232	(*)
Zhoushan Xinya Shipyard Co., Ltd.	13.918.012.240	(*)	4.236.707.352	(*)
Công ty SK Engineering & Construction	11.553.544.874	(*)	12.321.343.349	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội (HACCI)	9.104.756.649	(*)	9.959.140.697	(*)
Công ty TNHH Fratelli Cosulich Bunker (HK)	6.828.576.306	(*)	13.885.116.364	(*)
Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex - Chi nhánh Hoá dầu Sài Gòn (PLC)	5.357.832.862	(*)	8.845.480.488	(*)
Các nhà cung cấp khác	89.798.966.361	(*)	137.076.727.955	(*)
	203.385.746.985	(*)	303.723.338.437	(*)

(*) Do ảnh hưởng của vấn đề nêu tại Thuyết minh 2(c), tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ.

(b) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	2.556.744.958	(*)	13.143.904.659	(*)
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	452.177.626	(*)	452.177.626	(*)
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	272.569.440	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	177.748.889	(*)	200.050.563	(*)
Khác	108.225.400	(*)	-	(*)
	3.567.466.313	(*)	13.796.132.848	(*)

Khoản phải trả đối với các công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

(*) Do ảnh hưởng của vấn đề nêu tại Thuyết minh 2(c), tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tổng Công ty không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Lãi vay phải trả	582.540.568.465	867.942.809.343
Lãi trái phiếu phải trả	214.086.894.145	307.026.280.252
Chi phí xây dựng phải trả	12.182.792.419	12.182.792.419
Các khoản trích trước khác	16.889.831.175	28.790.309.232
	825.700.086.204	1.215.942.191.246

18. Các khoản phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Kinh phí công đoàn	6.918.091.472	9.401.156.151
Bảo hiểm xã hội	67.389.397	45.372.576
Bảo hiểm y tế	1.030.287	331.643.216
Bảo hiểm thất nghiệp	5.873.631	146.358.843
Phải trả Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines liên quan đến chi phí sửa chữa Ụ nổi 83M	81.385.258.917	91.932.317.799
Tiền góp vốn đầu tư được Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn trả hộ	-	12.016.395.590
Tiền cổ tức tạm nộp của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	20.000.000.000	-
Tiền thanh lý đội tàu thu hộ cho Vinashinlines	32.816.345.341	25.572.767.436
Phải trả Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ	-	2.221.436.861
Phải trả Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh về khoản phân phối lợi nhuận	3.022.033.540	-
Các khoản nợ được Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (“DATC”) mua lại (*)	616.166.228.729	43.167.785.765
Góp vốn bằng nhận nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Hà Nội (HACC1)	19.899.378.351	-
Các khoản phải trả khác	18.885.125.240	41.148.102.051
	799.166.754.905	225.983.336.288

(*) Các khoản nợ được DATC mua lại là số dư gốc vay và số dư lãi vay còn lại của các khoản vay với các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng của Tổng Công ty đã được DATC mua lại, chưa bao gồm giá mua nợ và các chi phí mua nợ khác phải trả cho DATC. Các khoản gốc vay và lãi vay này sẽ được thanh toán bằng với giá mua nợ theo các thông báo của DATC tương ứng với từng khoản vay.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	11.701.396.275	11.526.678.827

(c) Phải trả khác cho các công ty liên quan

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải trả các công ty liên quan	137.223.637.798	129.521.480.825

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vay và trái phiếu phát hành****(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	570.071.416.102	(*)	18.633.058.862	(232.217.391.683)	356.487.083.281	(*)
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	1.020.573.968.429	(*)	1.272.684.616.611	(543.860.419.700)	1.749.398.165.340	(*)
Trái phiếu khác đáo hạn trong vòng 12 tháng (b)(ii)	522.402.789.019	(*)	-	(219.058.064.019)	303.344.725.000	(*)
	2.113.048.173.550	(*)	1.291.317.675.473	(995.135.875.402)	2.409.229.973.621	(*)

(*) Do ảnh hưởng của vấn đề nêu tại Thuyết minh 2(c), tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty không thể đưa ra ước tính về số dư phải trả có khả năng trả nợ.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Hội sở	VND	12%-18%	147.434.936.521	147.434.936.521
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Nội	VND	12%-18%	159.329.486.773	167.001.947.789
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Sở giao dịch	VND	4,50%	49.722.659.987	48.259.827.962
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	-	-	137.838.227.451
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	-	-	53.964.840.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở giao dịch	VND	-	-	15.571.636.379
			356.487.083.281	570.071.416.102

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn được đảm bảo bằng bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 363.393 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 370.808 triệu VND) (Thuyết minh 13).

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn (i)	4.772.380.020.049	8.018.921.891.629
Trái phiếu thường (ii)	303.344.725.000	522.402.789.019
	5.075.724.745.049	8.541.324.680.648
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.052.742.890.340)	(1.542.976.757.448)
	3.022.981.854.709	6.998.347.923.200

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Chưa kiểm toán
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	USD	(b) + 2,3%	2020	18.326.113.398	36.313.663.200
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	(a) + 3%	2020	19.900.000.000	21.900.000.000
Ngân hàng Cathay United	USD	LIBOR 6 tháng + 2%	2016	1.206.307.172.771	1.170.817.825.157
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	USD	(b) + 2,5%	2024	465.821.974.558	893.886.201.087
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	USD	-		-	834.106.029.954
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	USD	-		-	63.141.677.596
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	USD	-		-	585.602.223.240
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	3% - 7,8%	2028	1.752.289.930.500	1.757.458.270.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (**)	USD	(b) + 3%	2021	-	612.919.559.873
Ngân hàng TMCP Đại Dương – Hội sở (**)	USD	(b) + 3%	2021	307.081.759.401	-
Ngân hàng TMCP Việt Á	USD	(b) + 3%	2016	73.486.919.000	71.324.946.600
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	USD	LIBOR 6 tháng + 3,25%	2017	184.231.731.763	187.310.066.196
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	VND	(a) + 3%	2021	92.400.538.880	99.400.538.880
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	USD	SIBOR 3 tháng + 2,5%	2016	8.747.475.815	8.965.810.513
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	(b) + 3,2%	2018	472.364.747.800	458.892.778.920
Ngân hàng Natixis - Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	-		-	1.066.870.432.191
Công ty TNHH PSA Vietnam Pte. Ltd. (*)	USD	LIBOR 3 tháng + 0,8%		108.355.500.000	104.128.200.000
Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương	VND	0%	2020	63.066.156.163	45.883.668.222
				4.772.380.020.049	8.018.921.891.629
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(1.749.398.165.340)	(1.020.573.968.429)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				3.022.981.854.709	6.998.347.923.200

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a): Lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng; (b): Lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng của các ngân hàng tương ứng

(*) Khoản vay tương ứng với số tiền 4.950.000 USD theo hợp đồng cho vay ngày 26 tháng 8 năm 2008 giữa các cổ đông của Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA, một công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty và Công ty PSA Vietnam Pte. Ltd. đều là các cổ đông của công ty này; theo đó, Tổng Công ty vay từ Công ty PSA Việt Nam Pte. Ltd. và cho Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA vay lại. Theo các điều khoản của hợp đồng vay, khoản phải trả chịu lãi suất LIBOR + (0,8% - 1,6%)/năm, được hoàn trả sau khi Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA bắt đầu kinh doanh có lãi và hoàn trả hết các khoản vay từ các tổ chức tín dụng khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty nhận định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA sẽ vẫn lỗ trong vòng 12 tháng tới (Thuyết minh 8(b))

(**) Trong năm 2015, số dư còn lại của khoản vay của Tổng Công ty với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – chi nhánh Hà Nội đã được chuyển giao lại toàn bộ thành khoản vay với Ngân hàng TMCP Đại Dương – Hội sở với cùng điều kiện như khoản vay cũ.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ tương ứng là 3.340.257 triệu VND và 8.786 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 3.942.700 triệu VND và 8.786 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 12).

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	VND	14%-17,5%	2014	303.344.725.000	443.125.475.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	14%-17,5%	-	-	36.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	VND	14%-17,5%	2014	-	43.277.314.019
				<hr/>	<hr/>
				303.344.725.000	522.402.789.019
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(303.344.725.000)	(522.402.789.019)
				<hr/>	<hr/>
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				-	-
				<hr/>	<hr/>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Vay và trái phiếu phát hành chưa thanh toán**

	31/12/2015	
	Gốc VND	Lãi VND
Vay ngắn hạn và dài hạn	787.507.180.870	166.810.321.490
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	303.344.725.000	214.086.894.145
	<hr/>	<hr/>
	1.090.851.905.870	380.897.215.635

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Nguồn vốn kinh doanh VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lỗ lũy kế VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	10.060.496.776.097	-	412.492.605.513	118.710.095.143	515.300.935.278	(5.663.237.944.616)	31.546.365.404	5.475.308.832.819
Xử lý vốn chủ sở hữu cho mục đích định giá lại giá trị doanh nghiệp theo Quyết định 5038	(4.585.187.943.278)	-	(412.492.605.513)	(118.710.095.143)	(515.300.935.278)	5.663.237.944.616	(31.546.365.404)	-
Đánh giá tài sản cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty	-	3.488.475.211.568	-	-	-	-	-	3.488.475.211.568
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 – sau định giá	5.475.308.832.819	3.488.475.211.568	-	-	-	-	-	8.963.784.044.387
Giảm vốn Nhà Nước vào các công ty con đã cổ phần hoá trong năm – chưa kiểm toán	(226.139.890.000)	-	-	-	-	-	-	(226.139.890.000)
Chênh lệch từ mua bán nợ DATC (*)	230.248.846.299	-	-	-	-	-	-	230.248.846.299
Lỗ thuần trong năm – chưa kiểm toán	-	-	-	-	-	(712.445.918.891)	-	(712.445.918.891)
Thu từ cổ phần hóa công ty con – chưa kiểm toán	-	-	-	-	395.551.327.173	-	-	395.551.327.173
Lãi từ tiền gửi của quỹ HT SX&PT DN và lãi trả chậm – chưa kiểm toán	-	-	-	-	3.162.458.202	-	-	3.162.458.202
Sử dụng quỹ - chưa kiểm toán	-	-	-	-	(54.563.700)	-	-	(54.563.700)
Thay đổi khác – chưa kiểm toán	(211)	-	141.210.865	-	-	(2.822.321.831)	-	(2.681.111.177)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 – chưa kiểm toán	5.479.417.788.907	3.488.475.211.568	141.210.865	-	398.659.221.675	(715.268.240.722)	-	8.651.425.192.293
Giảm vốn Nhà Nước vào các công ty con đã cổ phần hoá trong năm	(958.687.976.836)	-	-	-	-	-	-	(958.687.976.836)
Chênh lệch từ mua bán nợ DATC (*)	998.991.182.346	-	-	-	-	-	-	998.991.182.346
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	329.163.064.119	-	329.163.064.119
Lãi vay của những năm trước với ngân hàng thương mại được giảm trong năm	-	-	-	-	-	27.847.984.499	-	27.847.984.499
Thu từ cổ phần hóa	(23.006.945.798)	-	-	-	836.066.736.368	-	-	813.059.790.570
Lãi từ tiền gửi của quỹ HT SX&PT DN và lãi trả chậm	(2.694.313.768)	-	-	-	2.128.629.092	-	-	(565.684.676)
Điều chỉnh chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	(91.617.625.217)	-	-	-	-	-	(91.617.625.217)
Thay đổi khác	(1.163.840.800)	-	-	-	-	(4.774.558.654)	-	(5.938.399.454)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.492.855.894.051	3.396.857.586.351	141.210.865	-	1.236.854.587.135	(363.031.750.758)	-	9.763.677.527.644

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo hướng dẫn của Bộ Tài Chính tại Công văn số 751/BTC-TCĐN, phần chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng được hạch toán tăng giá trị phần vốn Nhà Nước tại Tổng Công ty, làm căn cứ tính toán và thực hiện cổ phần hóa theo quy định (Thuyết minh 18).

21. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là phần chênh lệch giữa giá trị tài sản được định giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa với giá trị sổ sách tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 của Tổng Công ty. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đã được Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt tại Quyết định 5038.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định về đầu tư vốn Nhà Nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp của Bộ Tài chính, Tổng Công ty được trích tối đa 30% lợi nhuận chưa phân phối vào quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	3.643.743.653	2.694.038.065
Trong vòng hai đến năm năm	5.104.405.356	7.359.018.813
Sau năm năm	11.715.345.442	6.535.728.447
	<hr/>	<hr/>
	20.463.494.451	16.588.785.325

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	3.339.765	73.107.449.283	2.478.452	52.711.533.201
EUR	74	1.818.229	92	2.435.580
SGD	788	12.608.406	163.188	2.623.403.215
		<hr/>		<hr/>
		73.121.875.918		55.337.371.996

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.243.218.887.287	1.365.457.458.628

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Dịch vụ vận tải, đại lý vận tải và giao nhận	1.510.809.833.785	1.761.519.298.653
▪ Khai thác cảng biển và hỗ trợ cảng biển	49.323.815.183	45.171.563.989
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác tòa nhà	47.217.514.325	62.578.984.685
▪ Kinh doanh xăng dầu	63.015.935.444	84.210.514.666
▪ Khác	31.763.103.735	23.916.658.748
	1.702.130.202.472	1.977.397.020.741
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	-	(3.893.680)
	1.702.130.202.472	1.977.393.127.061

25. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ vận tải, đại lý vận tải và giao nhận	1.884.139.835.476	2.086.246.001.846
▪ Khai thác cảng biển và hỗ trợ cảng biển	52.926.870.999	32.310.680.935
▪ Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác tòa nhà	21.592.683.540	20.593.145.649
▪ Kinh doanh xăng dầu	60.927.015.214	88.858.912.735
▪ Khác	18.109.405.216	18.031.911.289
	2.037.695.810.445	2.246.040.652.454

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2015 VND	2014 VND Phân loại lại
Lãi tiền gửi và cho vay	69.176.267.941	82.239.570.718
Cổ tức được chia	268.810.302.862	45.549.326.688
Lãi nhượng bán các khoản đầu tư (*)	432.149.721.747	48.083.304.996
Lãi hoán đổi các khoản phải thu (**)	404.219.371.999	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.460.564.319	57.695.700.153
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.555.310.854	5.181.124.663
	<hr/> 1.217.371.539.722	<hr/> 238.749.027.218

(*) Lãi nhượng bán các khoản đầu tư là phần chênh lệch khi Tổng Công ty thực hiện nhượng bán cổ phần tại các công ty con cho các tổ chức và cá nhân trong năm, chi tiết như sau:

Cổ phiếu nắm giữ tại	Số lượng cổ phiếu bán	Lãi bán cổ phiếu trong năm VND
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	6.940.023	81.198.269.100
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	30.312.262	110.085.880.394
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	13.222.400	74.390.815.360
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	12.600.000	69.300.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	49.060.387	63.595.870.040
Công ty Cổ phần Cảng Đoạn Xá	4.016.250	25.742.702.500
Công ty Cổ phần Cảng Nha Trang	8.500.000	3.400.000.000
Khác		4.436.184.353
		<hr/> 432.149.721.747

(**) Thể hiện phần chênh lệch khi hoán đổi khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn và Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng với khoản gốc vay và dư nợ lãi vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh vượng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí tài chính**

	2015 VND	2014 VND Phân loại lại
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu	57.255.833.845	378.097.468.287
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	37.537.721.843	1.591.488.057
Lỗ chênh lệch tỷ giá	229.479.830.943	122.642.706.709
Phí giao dịch chứng khoán	14.213.548.794	11.645.759.649
Chi phí tài chính khác	2.128.629.092	298.894.942
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	340.615.564.517	514.276.317.644

28. Chi phí bán hàng

	2015 VND	2014 VND
Chi phí hoa hồng	34.828.161.896	35.590.995.457
Chi phí quảng cáo	875.869.466	285.824.614
Chi phí bán hàng khác	1.444.509.674	552.669.654
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	37.148.541.036	36.429.489.725

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	106.040.545.112	95.801.030.540
Chi phí vật liệu quản lý	1.287.351.950	2.036.257.842
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.199.031.840	985.149.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.308.603.572	3.580.759.419
Thuế, phí và lệ phí	4.361.775.807	7.320.544.986
Xử lý nợ phải thu khó đòi	8.508.284.106	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.023.517.509	27.194.987.785
Các chi phí khác	47.507.752.829	30.379.963.652
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	201.236.862.725	167.298.694.216

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Thu nhập khác**

	2015 VND	2014 VND Phân loại lại
Góc trái phiếu được miễn	19.366.388.412	
Tiền thù lao thu của đại diện vốn góp của Tổng Công ty	3.556.739.440	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	27.136.363.636
Tiền thu từ đối tác vi phạm hợp đồng	55.011.800	1.072.720.000
Thu nhập từ bồi hoàn bảo hiểm	-	10.290.394.423
Cho thuê tài sản	264.000.007	-
Các khoản khác	10.824.975.181	10.431.467.904
	<hr/> 34.067.114.840	<hr/> 48.930.945.963 <hr/>

31. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	9.030.449	1.918.030.816
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế khác	3.478.469.486	338.340.050
Xóa sổ chi phí đóng tàu Vạn Xuân từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	5.512.065.005
Các khoản khác	4.221.514.257	5.705.429.223
	<hr/> 7.709.014.192	<hr/> 13.473.865.094 <hr/>

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	582.472.751.441	829.366.456.825
Chi phí nhân công	221.478.274.692	225.447.989.063
Chi phí khấu hao	639.020.753.242	629.191.460.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.098.379.925	494.577.645.766
Chi phí khác	303.011.054.906	270.982.572.656
	<hr/>	<hr/>

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	329.163.064.119	(712.445.918.891)
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	72.415.874.106	(156.738.102.156)
Chi phí không được khấu trừ thuế	515.621.657	74.434.811
Thu nhập không bị tính thuế	(59.138.266.630)	(15.967.076.771)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(13.793.229.133)	-
	-	(172.630.744.116)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	172.630.744.116
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà Nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho các năm 2014 và 2015, và sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty con		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.003.033.492	1.262.104.250
Mua hàng hóa và dịch vụ	54.677.280.058	49.446.574.611
Cổ tức được chia	223.353.880.000	29.879.967.718
Chuyển giao giá trị dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	-	84.282.117.495
Chuyển giao dư nợ phải trả và dư gốc vay liên quan đến dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	77.854.314.728	-
Miễn giảm lãi cho vay	25.472.117.668	-
Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp từ cổ phần hóa	834.176.933.830	397.202.390.003
Thu nhập từ lãi cho vay	7.619.918.404	23.144.354.773
Thu hồi tiền cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn	9.546.622.619	30.354.885.714

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty liên doanh, liên kết		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	260.104.669	107.700.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.833.510.701	10.977.600.585
Cổ tức được chia	10.731.812.784	6.962.770.000
Thu nhập từ lãi cho vay	3.663.116.022	3.815.190.273
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	3.026.100.500	3.175.100.500

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2015 VND	2014 VND
Giảm vốn đầu tư vào công ty con khi công ty con thực hiện cổ phần hóa	958.687.976.836	226.139.890.000
Cổ tức nhận bằng cổ phiếu	-	307.830.000
Giảm vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác bằng thu nhập từ cổ tức	-	12.971.420.000
Tăng vốn đầu tư tại công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác thông qua hình thức bù trừ công nợ	-	327.424.531.805
Tăng vốn đầu tư tại công ty con thông qua hình thức nhận nợ với bên thứ ba	19.899.414.351	-
Gốc vay trái phiếu được miễn	19.366.388.412	-
Điều chỉnh giảm vốn đầu tư vào công ty con do định giá lại giá trị tài sản góp vốn	326.420.021.037	-
Bù trừ khoản vay ngắn và dài hạn bằng khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần	505.566.474.593	-
Chuyển giao giá trị dự án Cảng Ba Ngòi cho công ty con	-	50.198.945.407
Chuyển giao gốc vay và dư lãi vay liên quan đến dự án Cảng Ba Ngòi cho công ty con	-	109.547.425.802
Chuyển giao giá trị dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	12.016.395.590	75.464.507.696
Chuyển giao gốc vay và dư lãi vay liên quan đến dự án Cảng Cái Cui cho công ty con	77.854.314.728	-
Bù trừ khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng với khoản phải thu khác	168.339.500	9.555.310.854

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Tại ngày 25 tháng 3 năm 2016, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có Quyết định số 389/QĐ-LĐTBXH về việc cho phép giải thể Trường Cao Đẳng nghề Hàng hải Vinalines – một bên liên kết của Tổng Công ty. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, việc giải thể vẫn đang được thực hiện.

37. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã phát hiện có một số sai sót liên quan đến báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh một số số liệu của năm 2014 để sửa chữa những sai sót này.

Đồng thời, một số số liệu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm hiện thời

Ngoài ra, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tổng Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính riêng có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính riêng. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2015			1/1/2015
	Theo báo cáo	Phân loại lại	Điều chỉnh hồi tố	Đã điều chỉnh lại
	Kiểm toán Nhà Nước	VND	VND	VND
	VND		VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	265.976.935.801	(159.337.000.000)	-	106.639.935.801
Phải thu về cho vay ngắn hạn (ii)	29.150.814.459	-	80.735.271.471	109.886.085.930
Phải thu ngắn hạn khác (i) (iii)	866.069.440.254	16.225.514.395	(59.230.257.653)	823.064.696.996
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.573.926.066	1.209.605.836	-	6.783.531.902
Tài sản ngắn hạn khác	15.163.214.395	(15.163.214.395)	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	159.337.000.000	-	159.337.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (ii)	190.906.021.471	-	(80.735.271.471)	110.170.750.000
Phải thu dài hạn khác	45.967.812.222	6.694.389.993	-	52.662.202.215
Đầu tư vào công ty con (iii) (iv) (v)	11.209.266.005.438	(10.860.810.000)	(22.841.043.424)	11.175.564.152.014
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (v)	195.973.049.709	(1.962.770.000)	-	194.010.279.709
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (v)	17.222.893.095	(147.840.000)	-	17.075.053.095
Chi phí trả trước dài hạn	141.478.976.040	(1.209.605.836)	4.865.075.649	145.134.445.853
Tài sản dài hạn khác	7.756.689.993	(7.756.689.993)	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	298.655.551.303	-	5.067.787.134	303.723.338.437
Chi phí phải trả ngắn hạn (vi)	1.152.563.905.474	-	63.378.285.772	1.215.942.191.246
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	1.356.259.019	-	1.356.259.019
Phải trả ngắn hạn khác (i)	168.586.851.600	-	57.396.484.688	225.983.336.288
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.356.259.019	(1.356.259.019)	-	-
Vay, trái phiếu phát hành dài hạn (i)	7.122.515.708.965	-	(124.167.785.765)	6.998.347.923.200
Vốn góp (i) (iv)	5.264.468.942.608	-	214.948.846.299	5.479.417.788.907
Lỗi lũy kế	(408.466.977.166)	-	(306.801.263.556)	(715.268.240.722)

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2014 Theo báo cáo trước đây VND	Phân loại lại VND	Điều chỉnh lại VND	2014 Đã điều chỉnh lại/phân loại lại VND
Giá vốn hàng bán	2.245.837.940.969	-	202.711.485	2.246.040.652.454
Doanh thu hoạt động tài chính (v)	251.720.447.218	(12.971.420.000)	-	238.749.027.218
Chi phí tài chính (vi)	450.898.031.872	-	63.378.285.772	514.276.317.644
Thu nhập khác (i)	279.179.792.262	-	(230.248.846.299)	48.930.945.963

(i) Điều chỉnh lại các khoản tiền thanh toán, số dư gốc vay và dư nợ lãi vay với ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng của Tổng Công ty đã được DATC mua lại nhưng chưa được xử lý theo Công văn 751, do Tổng Công ty chưa thanh toán đầy đủ giá mua nợ cho DATC.

Đồng thời, Tổng Công ty điều chỉnh phần chênh lệch giữa số tiền Tổng Công ty nhận nợ với DATC với giá trị khoản nợ gốc và lãi vay phải trả các tổ chức tín dụng trước đây được ghi nhận là thu nhập khác, hạch toán tăng giá trị phần vốn Nhà Nước tại Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Công văn 751.

(ii) Phân loại lại gốc cho vay đối với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí và Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Bắc, từ phải thu về cho vay dài hạn sang phải thu về cho vay ngắn hạn do thời hạn thu hồi còn tại của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 nhỏ hơn 12 tháng.

(iii) Điều chỉnh giảm 7.541.043.424 VND giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines, một công ty con, theo đúng bản chất của giao dịch.

(iv) Điều chỉnh giảm 15,3 tỷ VND giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải để sửa chữa sai sót trong hạch toán đầu tư vào công ty con trong năm 2014.

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Điều chỉnh giảm giá trị các khoản đầu tư đối với các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia đã sử dụng để đánh giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo hướng dẫn tại Thông tư 200.
- (vi) Điều chỉnh tăng cho phần chi phí lãi vay bị ghi nhận sai kỳ.

Người lập: 21-06-2016



Phạm Thị Bình
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lương Đình Minh
Trưởng ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Cảnh Tinh
Q. Tổng Giám đốc